

VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA XÃ HỘI HỌC LAO ĐỘNG

MARCOVITS DANHILO

Theo quan điểm của chúng tôi, xã hội học lao động có một địa vị kép trong hệ thống tri thức khoa học. Nó vừa là môn khoa học đại cương đồng thời lại là môn khoa học chuyên biệt. Chỉ đi theo nguyên tắc này chúng ta mới có thể khắc phục được sự phiến diện đã diễn ra ở một số nước (khuyh hướng thiên về ứng dụng, thực hành ở Mỹ và thiên về nhân văn ở Pháp).

Trên cơ sở các nghiên cứu thực tế và hiểu biết lý luận về lao động ta xác định được những phạm trù của xã hội học đại cương mà trước hết là nhận thức về xã hội như khối tổng hoà các mối quan hệ xã hội, nhận thức về bản chất của các hiện tượng xã hội, về sự phân loại các hiện tượng đó xác định vị trí của lao động do con người thực hiện như một hoạt động mang tính xã hội trong hệ thống phân loại này, nhận thức về con người như khách thể nghiên cứu của xã hội học cũng như về vai trò của lao động trong sự phát sinh và phát triển của loài người.

Ở Nam Tư, từ năm 1952, các mối quan hệ xã hội, hệ thống kinh tế - chính trị đều dựa trên nền tảng sở hữu tập thể vì sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất được coi là yếu tố hạ thấp địa vị con người trong môi trường lao động, làm hạn chế sự tham gia của công dân vào quá trình quản lý. Những kiến giải này đã trở thành cơ sở của hệ thống tự quản xã hội chủ nghĩa. Nó có nhiệm vụ đưa xã hội tới sự nhân văn hoá địa vị của người lao động và dân chủ hoá các mối quan hệ trong xã hội. Song kết quả lại là rất nhiều mâu thuẫn và thất bại nằm ở chỗ các cải cách mong đợi không thấy đâu mà chỉ thấy xã hội chìm ngập trong sự khủng hoảng kinh tế chính trị sâu sắc. Đó là nguyên nhân dẫn đến sự triệt thoái của của khái niệm lao động hợp nhất, của luận thuyết kinh tế thoả thuận, của hệ thống tự quản xã hội chủ nghĩa và sở hữu chung của xã hội. Ngày nay ở Nam Tư thuyết đa nguyên về các dạng sở hữu xã hội*, sở hữu nhà nước, sở hữu tư nhân, sở hữu hợp tác xã và sở hữu công cộng đã được tuyên cáo, đã đi tới cho quay về với nền kinh tế thị trường và cách tổ chức tương ứng các chủ thể của nền kinh tế.

Cách tiếp cận này không mâu thuẫn với địa vị của môn xã hội học lao động như một lĩnh vực xã hội học chuyên biệt. Ngược lại, việc nhấn mạnh khuyh hướng thực nghiệm càng khắc hoạ rõ nét thêm những nhiệm vụ trong “quá trình lao động cụ thể”.

Kết quả của các nghiên cứu thực nghiệm về môi trường lao động là cơ sở của các cải cách được thực hiện với mục đích tính đến các giá trị của nhân tố con người và sự nhân văn hoá lao động. Như vậy, xã hội học lao động không chỉ là một môn khoa học lý luận đi sâu vào luận giải các nguyên nhân và hậu quả mà còn là một môn khoa học xã hội mang tính ứng dụng.

* Giáo sư Đại học Tổng hợp Bengrat (Nam Tư)

Với cách tiếp cận này xã hội học lao động phân tách đối tượng nghiên cứu ra thành các lĩnh vực cơ bản sau: sự biến đổi nội dung và tính chất của lao động, sự đan kết về mặt xã hội của những biến đổi đó, môi trường lao động và địa vị của con người, nhân tố con người (lực lượng lao động), quyền lao động, quyền có việc làm và sự thất nghiệp, công tác đào tạo nghề nghiệp (chuyên môn lao động), cách tổ chức và sử dụng thời gian trong và ngoài giờ làm việc (đặc biệt là thời gian rỗi), văn hoá lao động, ảnh hưởng của lối sống ngoài môi trường làm việc tới hoạt động lao động, phương diện xã hội của việc tổ chức lao động (các nhóm lao động), những xung đột trong các tập thể lao động. Chúng ta sẽ đi chi tiết hơn vào một số vấn đề trong số đó.

Môi trường lao động được hiểu là tổng thể các yếu tố vật chất của quá trình lao động cụ thể và các mối quan hệ tương tác hình thành giữa những người tham gia vào quá trình lao động. cụ thể thì đó là môi trường xã hội và thể chất. Việc nghiên cứu được định hướng lại sự tìm hiểu tính quy luật của các mối quan hệ xã hội trong các nhóm sản xuất, việc tổ chức chính thức các nhóm lao động và các quan hệ không chính thức hình thành trong các nhóm đó. Ở đây, môn xã hội học lao động nghiên cứu các **quan hệ tương tác giữa những người quản lý và những người chịu sự quản lý, thái độ của người lao động đối với các phương tiện lao động** - trên góc độ những biến đổi trong nội dung và tính chất của lao động có tác dụng kích thích các quan hệ tương tác đó phát triển.

Nhân tố con người (lực lượng lao động) cũng là một đối tượng của xã hội học lao động. Xã hội học lao động nghiên cứu cả về cấu trúc giới và lứa tuổi của lực lượng lao động, về các khả năng thu xếp công ăn việc làm, tức là về việc thực hiện quyền lao động và vấn đề thất nghiệp, nghiên cứu về hệ thống dạy nghề do các nhà chuyên môn đảm nhiệm, tức là việc tiếp thu tay nghề chuyên môn phục vụ việc hoàn thành các thao tác và những nhiệm vụ riêng biệt trong các quá trình lao động tuân theo những đòi hỏi bắt buộc của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật.

Một lĩnh vực quan trọng được xã hội học lao động nghiên cứu là **quan hệ lao động**. Điều này bắt đầu ngay từ thời điểm con người gia nhập vào quá trình lao động và có tác dụng điều tiết không chỉ các quan hệ xã hội thông qua các chuẩn mực của pháp luật với mục đích xác lập các điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện trôi chảy các quá trình lao động, mà còn bảo vệ các quyền lợi của người lao động. Các điều luật điều chỉnh quan hệ lao động là một yếu tố quan trọng xác định vị trí của con người trong môi trường lao động, đồng thời nó cũng thực hiện chức năng xã hội quan trọng của nhà nước.

Hướng tới xác định tính quy luật của các quan hệ xã hội và địa vị của con người trong môi trường lao động, xã hội học lao động còn nghiên cứu **văn hoá lao động**. Văn hoá lao động cần được hiểu là một loạt những phương pháp hoạt động hướng tới xác lập môi trường lao động phù hợp với thiên tính của con người và phát triển trong mỗi người tham gia vào quá trình lao động phản xạ nhạy bén tự nhiên với môi trường lao động cũng như với sản phẩm chế tạo ra.

Xã hội học lao động cũng nghiên cứu cả khả năng sử dụng thời gian làm việc. Trong xã hội, sự giảm bớt số ngày làm việc trong tuần, cách tổ chức thời gian làm việc trong diễn biến của ngày làm việc cũng như thái độ sử dụng thời gian làm việc của những người tham gia vào quá trình lao động có một ý nghĩa quan trọng. Bên cạnh đó, xã hội học lao động nghiên cứu cả các dạng sử dụng thời gian ngoài giờ làm việc. Điều này thật sự quan trọng vì cách con người sử dụng thời gian trong giờ làm việc phụ thuộc rất nhiều vào khả năng sử dụng thời gian ngoài giờ làm việc của anh ta. Trong khuôn khổ thời gian ngoài giờ làm việc, xã hội học lao động đặc biệt chú ý nghiên cứu **thời gian rỗi**, vốn là một dạng sinh tồn mà trong đó cái “Tôi” của con người tự nguyện lựa chọn được cơ hội, khả năng tốt nhất về chất để thể hiện.

Đạo đức lao động và các dạng trách nhiệm trong các nhóm lao động cũng lọt vào tầm quan tâm nghiên cứu của xã hội học lao động. Đạo đức lao động được hiểu là sự tập hợp các chuẩn mực hành vi của con người trong quá trình lao động, dựa trên hiểu biết chung về địa vị và ý nghĩa của lao động trong xã hội mà anh ta tồn tại.

Xã hội học lao động cũng coi các nhóm lao động như những dạng tổ chức trong đó diễn ra hoạt động lao động của con người là một đối tượng nghiên cứu. Từ quan điểm phân chia các hiện tượng xã hội thành các quá trình xã hội và các phiên chế xã hội, xã hội học lao động nghiên cứu lao động của con người như một quá trình xã hội, còn các nhóm lao động thì được nghiên cứu như các phiên chế xã hội. Địa vị của con người trong các quan hệ kinh tế xã hội và kỹ thuật công nghệ của môi trường lao động được xác định qua cấu trúc và quan hệ giữa các nhóm người lao động. Vì khả năng thiết lập và hoạt động của các nhóm lao động với tư cách là những chủ thể của hệ thống pháp luật (đặc biệt là như những chủ thể của nền kinh tế), cũng như các quan hệ trong tổ chức chính thức của chúng vốn được xác định qua những văn bản pháp luật nên xã hội học lao động cũng coi khía cạnh tổ chức các nhóm lao động là đối tượng nghiên cứu và lập luận lý thuyết của mình.

Xã hội học lao động còn nghiên cứu những nguyên nhân dẫn tới các mâu thuẫn cơ bản trong cách thức tổ chức chính thức và không chính thức của các nhóm lao động, các dạng biểu hiện và những khả năng tương hợp của chúng. Và chính trong các dạng tổ chức lao động đang và sẽ còn tồn tại những quyền lợi bị mâu thuẫn và phân hoá khác nhau không chỉ chịu sự chế định của nhiều nguyên nhân lịch sử xã hội mà còn thường xuyên mang tư cách là nét đặc trưng cá nhân. Sự thể hiện các quyền lợi khác nhau, những xung đột và việc nghiên cứu chúng trong môi trường lao động có ý nghĩa đặc biệt quan trọng ở Nam Tư, nhất là khi ở đây đã xảy ra những biến đổi quan trọng trong các dạng sở hữu, trong các dạng tổ chức lao động và trong tính chất của các quan hệ luật pháp lao động. Trong những điều kiện ổn định thì sự biểu hiện những quyền lợi, những tình huống xung đột và sự điều hoà chúng trở thành nét đặc trưng.

Xã hội học lao động cần đóng vai trò nền tảng lý thuyết cho thực tế xã hội cả ở tầm vi mô lẫn tầm vĩ mô. Cần phải điều hoà các nhu cầu xã hội trong sự phát triển hợp lý về kinh tế của lực lượng lao động theo các hướng tiếp cận mang tính chất xã hội và văn minh cũng như nhân văn hoá địa vị con người trong môi trường lao động.

Những biến đổi diễn ra vào thời đại ngày nay trong lĩnh vực lao động ở Nam Tư được thúc đẩy không chỉ riêng bởi những biến đổi trong nền tảng kỹ thuật công nghệ, tức là những biến đổi trong nội dung lao động, mà còn bởi những thay đổi trong các dạng sở hữu và do đó cả bởi sự tổ chức quá trình lao động nói chung.

Nguồn : Tạp chí *Các nghiên cứu Xã hội học*.

Tiếng Nga. N^o3 -1996.

Người dịch: ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO